

CẨM NANG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG



CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH HÀ GIANG

NĂM 2025

Mục lục

Phần một: Tổng quan về cháy rừng.....	1
1 Khái niệm về cháy rừng	1
2 Điều kiện xảy ra cháy rừng.....	2
3 Nguyên nhân xảy ra cháy rừng.....	3
4 Tác hại của cháy rừng	4
5 Khái niệm phòng cháy rừng.....	5
6 Khái niệm chữa cháy rừng.....	6
7 Các loại cháy rừng.....	7
8 Mùa cháy rừng.....	8
9 Tình hình cháy rừng ở Hà Giang	9
Phần hai: Phòng cháy rừng.....	10
1 Dự báo nguy cơ cháy rừng.....	10
2 Thông tin cảnh báo nguy cơ cháy rừng.....	11
3 Biện pháp tổ chức thực hiện PCCCR.....	12
4 Biện pháp phòng cháy rừng.....	13
Phần ba: Chữa cháy rừng.....	15
1 Phương châm chữa cháy rừng.....	15
2 Huy động chữa cháy rừng.....	16
3 Quy định an toàn trong chữa cháy rừng.....	18
4 Những nguy hiểm khi chữa cháy rừng.....	19
5 Đề phòng tai nạn khi chữa cháy rừng.....	20
6 Mười nguyên tắc an toàn khi chữa cháy rừng.....	21
7 Sơ cứu tại hiện trường chữa cháy rừng.....	22
8 Kỹ thuật chữa cháy rừng.....	23
Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR.....	24
1 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14.....	24
2 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2024.....	25
3 Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 và số 12/2017/QH14.....	27
4 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp.....	30

Phần một: Tổng quan về cháy rừng

① Khái niệm cháy rừng

Cháy rừng là sự xuất hiện và lan truyền của những đám cháy trong rừng và không nằm trong sự kiểm soát của con người; gây nên những tổn thất nhiều mặt về tài nguyên, của cải và môi trường



Phần một: Tổng quan về cháy rừng

② Điều kiện xảy ra cháy rừng

Ôxy: Chất duy trì sự cháy, sẵn có trong không khí



Nếu đã có đủ 3 điều kiện gây cháy là ôxy, vật liệu cháy (VLC) và nguồn nhiệt, thì đám cháy có xuất hiện hay không lại phụ thuộc chủ yếu vào độ ẩm VLC. Thường độ ẩm VLC nhỏ hơn hoặc bằng 25% thì dễ bén lửa.



Vật liệu cháy là tất cả những chất có khả năng bén lửa và bốc cháy trong điều kiện có đủ nguồn nhiệt và ôxy



Nguồn nhiệt: Là yếu tố duy nhất không có sẵn trong rừng. Hầu hết nguồn nhiệt gây cháy rừng được xuất phát từ các hoạt động của con người

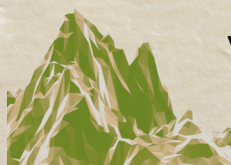
Phần một: Tổng quan về cháy rừng

3 Nguyên nhân xảy ra cháy rừng



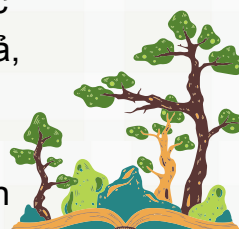
Nhiệt độ không khí: Là yếu tố gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình cháy rừng, làm khô, nổ vật liệu cháy, làm độ ẩm không khí giảm và mặt đất nóng lên

Độ ẩm không khí: Càng cao thì độ ẩm vật liệu cháy càng cao, càng khó gây cháy và ngược lại



Địa hình: Ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến cháy rừng và liên quan trực tiếp đến sự phát triển của đám cháy; có tác động ngăn chặn các hệ thống gió, hình thành các khu vực tiểu khí hậu khác nhau tạo ra các khu vực thường xuyên có mưa hoặc khu vực khô hạn

Kiểu rừng và thực bì: Ở các loại rừng Thông, Sa mộc thuần loài sản phẩm rơi rụng là những cành lá, hoa quả, vỏ và thân cây, những loại này thường có nhựa hoặc tinh dầu nên rất dễ bắt lửa và cháy đượm. Những khu rừng tre nứa thuần loài hoặc chiếm ưu thế, cành nhánh khô nhiều và hiện tượng chết hàng loạt, vì vậy vật liệu cháy là rất lớn



Hoạt động của con người:



(1) Đốt rừng làm nương rẫy, đốt than, đốt thực bì để thu nhặt kim loại, hun khói để lấy mật ong và nhiều hoạt động khác có thể gây cháy rừng. (2) Do khai thác rừng, vô ý gây cháy... (3) Trẻ em chăn Trâu đốt lửa để sưởi ấm, đốt vàng hương đi tảo mộ. (4) Phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thả đèn trong các ngày lễ hội vô ý gây cháy (5) Khách tham quan du lịch sinh thái trong rừng vô ý gây cháy.

Phần một: Tổng quan về cháy rừng

④ Tác hại của cháy rừng



Cháy rừng gây chết hàng loạt hoặc làm chậm quá trình sinh trưởng và phát triển của rừng, ảnh hưởng đến diễn thế của rừng, tái sinh rừng

Gây biến động lớn trong trạng thái rừng, làm biến đổi các kiểu rừng, từ đó ảnh hưởng đến phương thức khai thác rừng



Làm thay đổi số lượng và thành phần sinh vật rừng; Ảnh hưởng đến hoạt động sống của Vi sinh vật rừng trong đất; Ảnh hưởng đến tình trạng vệ sinh rừng

Phá vỡ cấu tượng đất, gây xói mòn, rửa trôi, bạc màu làm mất khả năng giữ nước và điều tiết nguồn nước



Gây tổn thất nặng nề về kinh tế và ảnh hưởng đến môi trường, khí hậu

Phần một: Tổng quan về cháy rừng

⑤ Khái niệm phòng cháy rừng

Phòng cháy rừng là việc thực hiện đầy đủ các biện pháp tổ chức, kinh tế, xã hội, pháp chế, khoa học công nghệ, tuyên truyền, giáo dục, cảnh báo, dự báo,...và điều tiết các hoạt động của con người trong và gần rừng; xây dựng các công trình phòng lửa nhằm ngăn chặn không để xảy ra cháy rừng. Trong phòng cháy rừng phải thực hiện triệt để những yêu cầu mang tính nguyên tắc: Không để xảy ra sự kết hợp đồng thời của 3 yếu tố Ôxy, vật liệu cháy và nguồn nhiệt gây cháy.



Phần một: Tổng quan về cháy rừng

6 Khái niệm chữa cháy rừng

Chữa cháy rừng là huy động nhanh chóng lực lượng, phương tiện dập tắt kịp thời không để lửa lan tràn, hạn chế và chấm dứt thiệt hại do cháy rừng gây ra. Chữa cháy rừng phải đảm bảo 3 yếu tố:

- Dập tắt lửa khẩn trương, kịp thời và triệt để.
- Hạn chế thấp nhất thiệt hại về mọi mặt.
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, phương tiện, dụng cụ chữa cháy



Phần một: Tổng quan về cháy rừng

⑦ Các loại cháy rừng

Cháy dưới tán: Cháy dưới tán rừng là những đám cháy mà ngọn lửa lan tràn trên mặt đất làm thiêu huỷ một phần hoặc toàn bộ thảm mục, cành khô, lá rụng và thậm chí cây bụi,...và một phần nào đó ở gốc cây.

Đặc điểm: lửa cháy lan nhanh và không vượt lên tán rừng, thường ở dưới đoạn phân cành của rừng.



Cháy tán: Sự lan truyền của ngọn lửa trên tầng tán của rừng được gọi là cháy tán rừng. Cháy tán rừng là hình thức cháy được phát triển từ cháy dưới tán lên tán rừng. Cháy tán rừng thường xuất hiện ở những kiểu rừng có mật độ tán dày của những loài cây có dầu, khi gió mạnh và thời tiết khô nóng kéo dài.

Phần một: Tổng quan về cháy rừng

8 Mùa cháy rừng

Mùa cháy rừng là khoảng thời gian thường xảy ra cháy rừng trong năm. Thông thường mùa cháy rừng trùng với mùa khô trong năm. Mùa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang gồm các tháng: 1, 2, 3, 4, 5, 11, 12. (Bắt đầu từ 01/11 năm trước đến hết 31/5 năm sau)

CÁC XÃ TRỌNG ĐIỂM CHÁY RỪNG BAO GỒM

- **Huyện Bắc Mê** gồm: Xã Đường Âm, Xã Đường Hồng, Xã Giáp Trung, Xã Lạc Nông, Xã Minh Ngọc, Xã Minh Sơn, Xã Phiêng Luông, Xã Phú Nam, Xã Thượng Tân, Xã Yên Cường, Xã Yên Định, Xã Yên Phong và Xã Yên Phú;
- **Huyện Bắc Quang** gồm: Thị trấn Việt Quang, Xã Bằng Hành, Xã Đồng Tâm, Xã Đông Thành, Xã Đồng Tiến, Xã Đồng Yên, Xã Đức Xuân, Xã Hữu Sản, Xã Kim Ngọc, Xã Liên Hiệp, Xã Quang Minh, Xã Tân Lập, Xã Tân Thành, Xã Thượng Bình, Xã Tiên Kiêu, Xã Việt Hồng, Xã Việt Vinh, Xã Vĩnh Hảo, Xã Vĩnh Phúc và Xã Vô Điểm;
- **Huyện Đồng Văn** gồm: Xã Lũng Cú, Xã Má Lé, Xã Phố Cáo, Xã Tả Lũng, Xã Tả Phìn, Thị trấn Đồng Văn, Xã Lũng Táo, Xã Sủng Là, Xã Sảng Tủng và Thị trấn Phố Bàng;
- **Huyện Hoàng Su Phì** gồm: Xã Hồ Thầu, Xã Bản Luốc, Xã Sán Sả Hồ, Xã Pờ Ly Ngài, Xã Nàng Đôn, Xã Bản Phùng, Xã Bản Máy, Xã Chiến Phố, Xã Tụ Nhân, Xã Phố Lồ, Xã Thàng Tín, Xã Thèn Chu Phìn, Xã Túng Sán, Xã Tả Sử Choóng, Xã Nậm Ty và Xã Bản Phùng;
- **Huyện Mèo Vạc** gồm: Xã Cán Chu Phìn, Xã Lũng Chinh, Xã Nậm Ban, Xã Niêm Sơn, Xã Niêm Tòng, Xã Sơn Vĩ, Xã Sủng Máng, Xã Tả Lũng, Xã Tát Ngà, Xã Thượng Phùng, Xã Khâu Vai và Xã Xín Cái;
- **Huyện Quản Bạ** gồm: Xã Bát Đại Sơn, Xã Cán Tỷ, Xã Cao Mã Pờ, Xã Lũng Tám, Xã Nghĩa Thuận, Xã Quyết Tiến, Xã Tả Ván, Xã Thái An, Xã Thanh Vân, Xã Quản Bạ, Thị trấn Tam Sơn và Xã Tùng Vài;
- **Huyện Quang Bình** gồm: Thị trấn Yên Bình, Xã Bản Rịa, Xã Bằng Lang, Xã Hương Sơn, Xã Nà Khương, Xã Tân Bắc, Xã Tân Nam, Xã Tân Trinh, Xã Tiên Nguyên, Xã Tiên Yên, Xã Vĩ Thượng, Xã Xuân Giang, Xã Xuân Minh, Xã Yên Hà và Xã Yên Thành;
- **Thành phố Hà Giang** gồm: Xã Ngọc Đường, Xã Phương Độ và Xã Phương Thiện;
- **Huyện Vị Xuyên** gồm: Xã Bạch Ngọc, Xã Cao Bồ, Xã Đạo Đức, Xã Kim Linh, Xã Kim Thạch, Xã Lao Chải, Xã Linh Hồ, Xã Minh Tân, Xã Ngọc Linh, Xã Ngọc Minh, Xã Phong Quang, Xã Phú Linh, Xã Phương Tiến, Xã Quảng Ngần, Xã Thanh Đức, Xã Thanh Thủy, Xã Thuận Hoà, Xã Thượng Sơn, Xã Trung Thành, Xã Tùng Bá, Xã Việt Lâm và Xã Xín Chải;
- **Huyện Xín Mần** gồm: Xã Khuôn Lũng, Xã Nà Chì, Xã Nấm Dẩn, Xã Quảng Nguyên, Xã Thèn Phàng, Xã Thu Tà, Xã Tả Nhieu, Xã Bản Ngò, Xã Bản Díu và Xã Trung Thịnh;
- **Huyện Yên Minh** gồm: Xã Bạch Đích, Xã Đông Minh, Xã Du Già, Xã Du Tiến, Xã Đường Thượng, Xã Lao Và Chải, Xã Lũng Hồ, Xã Mậu Duệ, Xã Mậu Long, Xã Na Khê, Xã Ngam La và Xã Ngọc Long.

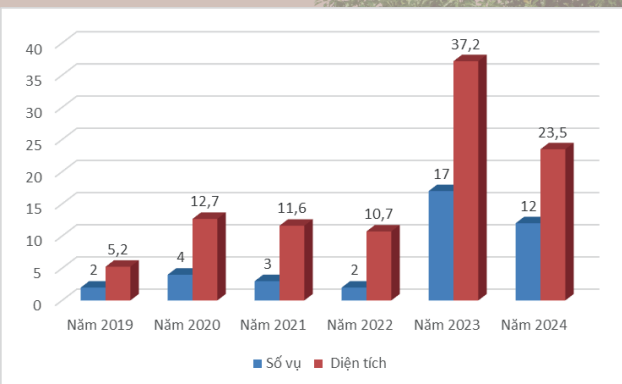
Phần một: Tổng quan về cháy rừng

9 Tình hình cháy rừng ở Hà Giang

! Trong những năm gần đây, số vụ cháy rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang có xu thế tăng và diễn biến phức tạp. Đặc biệt trong năm 2023 có tới 17 vụ cháy, thiệt hại 37,2 ha rừng; năm 2024 đã có 12 vụ cháy, thiệt hại 23,5 ha rừng.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cháy rừng là do bất cẩn của người dân trong quá trình xử lý thực bì, đốt nương làm rẫy thiếu kiểm soát dẫn đến cháy lan vào rừng và gây ra cháy rừng.

Loại rừng bị cháy chủ yếu là rừng trồng thuần loài, rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt trên núi đá. Địa phương hay xảy ra cháy rừng là huyện Hoàng Su Phì, Mèo Vạc, Yên Minh, Xín Mần, Bắc Quang, Vị Xuyên, Đồng Văn và TP Hà Giang. Đặc biệt huyện Vị Xuyên, Xín Mần 2 năm gần đây xảy ra nhiều vụ cháy.



Vụ cháy rừng trên đỉnh Tây Côn Lĩnh xảy ra ngày 26.4.2024 đã cướp đi sinh mạng của 2 chiến sỹ kiểm lâm và làm thiệt hại hơn 17 ha rừng

Phần hai: Phòng cháy rừng

1 Dự báo nguy cơ cháy rừng

Dự báo nguy cơ cháy rừng là đưa ra thông tin cảnh báo khả năng xuất hiện và mức độ nguy hiểm của cháy rừng làm cơ sở cho việc chủ động đề ra các biện pháp PCCCR hữu hiệu nhất. Có 5 cấp dự báo nguy cơ cháy rừng như sau:

Cấp cháy	Đặc trưng cháy rừng	Biểu báo
I	Cấp thấp: Ít có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo mũi tên chỉ số I	
II	Cấp trung bình: Có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo mũi tên chỉ số II	
III	Cấp cao: Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng. Chú trọng phòng cháy các loại rừng thông, khộp, bạch đàn, tre, nứa, tràm... Khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo mũi tên chỉ số III	
IV	Cấp nguy hiểm: Thời Tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo mũi tên chỉ số IV	
V	Cấp cực kỳ nguy hiểm: Thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng rất nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài có khả năng cháy lớn ở tất cả các loại rừng, tốc độ lửa lan tràn rất nhanh, trên biển báo mũi tên chỉ số V.	

Phần hai: Phòng cháy rừng

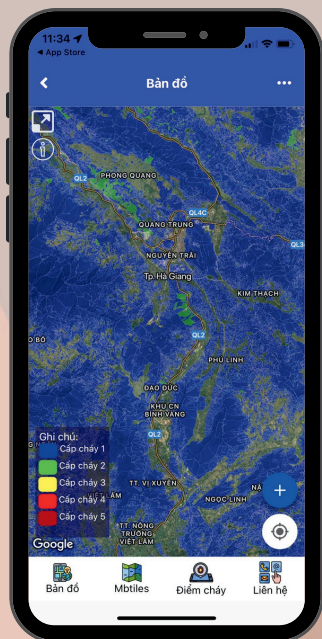
② Thông tin cảnh báo nguy cơ cháy rừng



Loa truyền thanh cộng đồng



Biển báo cấp dự báo cháy rừng

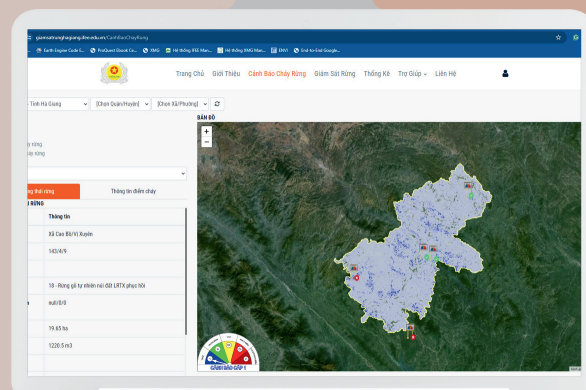


Điện thoại thông minh

Thông tin cảnh báo nguy cơ cháy rừng được truyền đến các tổ chức, đơn vị, cá nhân và cộng đồng dân cư bằng nhiều hình thức khác nhau một cách nhanh chóng, chính xác



Đài phát thanh, truyền hình Hà Giang



<https://giamsatrunghagiang.ifee.edu.vn>



Quét mã QR để tải ứng dụng cảnh báo cháy rừng tỉnh Hà Giang trên điện thoại di động

Phần hai: Phòng cháy rừng

3 Biện pháp tổ chức thực hiện PCCCR

Cấp	Mức độ	Biện pháp tổ chức thực hiện PCCCR
I	Cấp thấp: Ít có khả năng xảy ra cháy rừng	Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã và các chủ rừng chủ động triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng. Cần theo dõi diễn biến thời tiết ở các bản tin tiếp theo để chủ động trong công tác chữa cháy rừng
II	Cấp trung bình: Có khả năng cháy rừng	Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã và các chủ rừng tăng cường kiểm tra bố trí người canh phòng và lực lượng sẵn sàng ứng cứu khi xảy ra cháy rừng; kiểm soát kỹ thuật phát đốt nương rẫy.
III	Cấp cao: Thời tiết khô hanh, dễ xảy ra cháy rừng.	Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện tăng cường kiểm tra đôn đốc công tác phòng cháy, chữa cháy rừng của các chủ rừng. Cấm phát đốt nương rẫy. Cần theo dõi diễn biến thời tiết ở các bản tin tiếp theo
IV	Cấp nguy hiểm: Thời tiết khô hanh, nắng hạn dài ngày, nguy cơ cháy rừng cao, nếu xảy ra cháy lửa dễ lan nhanh.	Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương. Thông tin cảnh báo liên tục, kịp thời cấp dự báo cháy rừng ở vùng trọng điểm cháy. Chủ rừng và lực lượng Kiểm lâm tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ vùng trọng điểm cháy; bố trí lực lượng canh phòng 24/24 giờ hàng ngày; phát hiện kịp thời điểm cháy để dập tắt ngay đám cháy không để lây lan.
V	Cấp cực kỳ nguy hiểm: Thời tiết khô hanh, nắng hạn kéo dài, thảm thực vật khô kiệt, nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan nhanh trên tất cả các loại rừng	Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc chính quyền các cấp và các chủ rừng tăng cường kiểm tra, chủ động và sẵn sàng ứng cứu chữa cháy rừng. Thông tin cảnh báo thường xuyên liên tục, kịp thời cấp dự báo cháy rừng ở vùng trọng điểm cháy. Bố trí lực lượng canh phòng 24/24 giờ hàng ngày, không cho người qua lại các khu vực trọng điểm. Khi xảy ra cháy phải khoanh vùng, dập tắt ngay đám cháy.

Phần hai: Phòng cháy rừng

④ Biện pháp phòng cháy rừng

Các biện pháp giảm vật liệu cháy trong rừng: Hạ cấp thực bì, phát quang dây leo, bụi rậm, vệ sinh rừng sau khai thác, thu gom vật liệu cháy. Đốt trước có kiểm soát (nghĩa là đám cháy với cường độ cháy thấp được các nhà quản lý rừng chủ động tạo ra vào cuối mùa mưa hoặc sớm đầu mùa khô nhằm làm giảm vật liệu cháy)



Băng cản lửa: Băng trắng là những giải đất trống được chặt trắng và thu dọn hết những cây, cỏ, thảm mục và được cuốc đất hay lật gốc để ngăn cản lửa rừng khi xảy ra cháy. Băng xanh là những đường băng được trồng cây hỗn giao, có kết cấu nhiều tầng, chọn những loài cây có khả năng chịu lửa tốt, phân chia rừng thành các lô nhằm ngăn cản cháy lớn.

Biện pháp tuyên truyền: Tuyên truyền và hướng dẫn người dân không sử dụng lửa trong rừng (như lấy mật ong, ủ than hoa, đun nấu...), sử dụng lửa an toàn trong quá trình đốt nương làm rẫy. Công tác tuyên truyền thông qua việc đặt các biển báo cấm, cảnh báo, khẩu hiệu...



Phần hai: Phòng cháy rừng

④ Biện pháp phòng cháy rừng (tiếp...)

Hồ, đập chứa nước: Ở các vùng núi có địa hình dốc, đi lại khó khăn... đến mùa khô hầu như các khe suối, hồ, đầm đều bị cạn nước, do đó khi cháy rừng việc vận chuyển nước là hết sức phức tạp. Vì vậy, phải quy hoạch và xây dựng các công trình sử dụng các thung lũng, khe suối, đầm, hồ sẵn có để dự trữ nước giữ ẩm và phục vụ cho chữa cháy rừng



Chòi canh lửa: Hệ thống chòi canh lửa có tác dụng phát hiện được sớm các điểm cháy rừng để kịp thời xử lý, dập tắt đám cháy giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất; đồng thời còn là phương tiện để quản lý, ngăn chặn và giám sát mọi người vào rừng trong mùa cao điểm của cháy rừng.

Diễn tập PCCCR: Công tác PCCCR cần được đào tạo, huấn luyện hằng năm. Tổ chức diễn tập với nhiều dạng địa hình, loại vật liệu cháy và các phương tiện, trang thiết bị cứu chữa khác nhau và sự phối kết hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, chính quyền địa phương và Tổ đội quần chúng tham gia ứng cứu, công tác hậu cần, cứu thương, cứu nạn.



Phần ba: Chữa cháy rừng

① Phương châm chữa cháy rừng

Chỉ huy tại chỗ: Chỉ huy chữa cháy rừng là quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin, kết hợp với quan sát diễn biến của đám cháy để quyết định truyền đạt mệnh lệnh, hướng lực lượng chữa cháy tập trung cao độ và thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, tổ chức để đạt được hiệu quả chữa cháy, sớm dập tắt hoàn toàn đám cháy, đồng thời đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện chữa cháy.



Lực lượng tại chỗ: gồm Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Ban lâm nghiệp xã, hợp đồng PCCCR trong mùa khô hanh, lực lượng bảo vệ rừng của các chủ rừng, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, dân quân địa phương và các lực lượng huy động khác



4 TẠI CHỖ



Hậu cần tại chỗ: Phải chuẩn bị sẵn một số dụng cụ thủ công và bảo hộ lao động cần thiết (áo quần, giày, mũ, bình nước cá nhân...) để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được huy động thêm tại địa phương, đảm bảo cung cấp nước uống (5- 6 lít/người/ngày) và thực phẩm (dự trữ ít nhất 2-3 ngày) và thuốc men, bông băng cấp cứu, hồi sức...



Phương tiện tại chỗ: dụng cụ thủ công như dao rựa, cành lá hoặc bàn đập, cuốc xẻng, riu, câu liêm, thùng tưới nước... thường áp dụng cho chữa cháy mặt đất, cháy ngầm với cường độ thấp, trung bình hoặc cao khi diện tích cháy dưới 1 ha; các thiết bị cơ giới xe cứu hoả, xe chữa cháy rừng, máy (bơm) phun nước, máy thổi gió, cửa xăng, máy ủi, máy cày... và các phương tiện, hoá chất chữa cháy rừng.

Phần ba: Chữa cháy rừng

② Huy động chữa cháy rừng

1. Cấp độ 1: Đám cháy mới phát sinh, quy mô đám cháy dưới 01 ha và ít có nguy cơ cháy lan sang các khu vực lân cận (đám cháy nhỏ)

Thực hiện phương châm 4 tại chỗ, bao gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng tại chỗ của chủ rừng, lực lượng dân quân, công an viên và nhân dân trong thôn.

Các lực lượng của chủ rừng, dân quân, công an viên và nhân dân trong thôn tổ chức huy động lực lượng, phương tiện hậu cần tại chỗ phán đoán kịp thời khả năng cháy lan và khống chế thành công đám cháy.

2. Cấp độ 2: Đám cháy có quy mô khoảng 01 ha đến 03 ha, đám cháy phát triển chậm, có nguy cơ lan sang các khu vực xung quanh (đám cháy trung bình), lực lượng dân quân, công an viên tại chỗ và nhân dân trong thôn chưa kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan sang các khu vực lân cận.

Kiểm lâm địa bàn tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng của cấp xã bao gồm các lực lượng chủ rừng, dân quân thường trực, công an viên, ban, ngành đoàn thể cấp xã và nhân dân các thôn lân cận.

Ban chỉ đạo Phòng cháy chữa cháy rừng cấp xã chỉ đạo các lực lượng được huy động, nắm bắt tình hình cấp độ, tốc độ lan tràn, phán đoán kịp thời khả năng cháy lan, phương pháp tiếp cận, phương án khống chế đám cháy, đảm bảo liên lạc thông suốt và tiến hành khoanh vùng dập tắt đám cháy.

3. Cấp độ 3: Đám cháy có quy mô khoảng 03 ha đến 15 ha, đám cháy phát triển nhanh, có nguy cơ lan sang các khu vực xung quanh (đám cháy lớn), mặc dù đã huy động tất cả lực lượng dân quân, công an viên của xã và các thôn lân cận nhưng vẫn không kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan nhanh trên diện rộng sang các khu vực lân cận.

Hạt Kiểm lâm huyện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng của cấp huyện bao gồm các phòng ban chuyên môn cấp huyện lực lượng dân quân, công an viên và nhân dân các xã lân cận.

Ban chỉ đạo Phòng cháy chữa cháy rừng cấp huyện chỉ đạo các lực lượng được huy động, nắm bắt tình hình cấp độ, tốc độ lan tràn, phán đoán kịp thời khả năng cháy lan, phương pháp tiếp cận, phương án khống chế đám cháy, đảm bảo liên lạc thông suốt và tiến hành khoanh vùng dập tắt đám cháy.

Phần ba: Chữa cháy rừng

② Huy động chữa cháy rừng

4. Cấp độ 4: Đám cháy có quy mô diện tích khoảng 15 ha đến 50 ha, đám cháy phát triển nhanh, có nguy cơ lan nhanh sang các khu vực xung quanh (đám cháy rất lớn), mặc dù Ủy ban nhân dân huyện đã huy động tất cả lực lượng thường trực, công an, quân đội cấp huyện và các xã lân cận nhưng vẫn không kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan nhanh trên diện rộng sang các khu vực, huyện lân cận

Sau khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (đối với địa bàn biên giới) thống nhất (qua điện thoại) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng của cấp tỉnh bao gồm Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm).

5. Cấp độ 5: Đám cháy có diện tích khoảng từ 50 ha trở lên, đám cháy phát triển rất nhanh, có nguy cơ lan rất nhanh sang các khu vực xung quanh (đám cháy đặc biệt lớn), vượt quá khả năng kiểm soát của tỉnh, hoặc đám cháy quy mô rất lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để huy động chữa cháy rừng.



Phần ba: Chữa cháy rừng

3 Quy định an toàn trong chữa cháy rừng

Đối với người chữa cháy	Đối với người chỉ huy
- Đảm bảo sức khỏe khi tham gia chữa cháy. - Mang mặc bảo hộ đảm bảo. - Được huấn luyện nghiệp vụ. - Chuẩn bị đủ nước uống, lương thực khi tham gia chữa cháy. - Tuân thủ mệnh lệnh chỉ huy, theo tổ chức. - Luôn có ý thức tự bảo vệ. - Không được uống rượu, bia hay sử dụng các chất kích thích.	- Luôn quan tâm đến an toàn là hàng đầu; - Nắm rõ đặc điểm khu rừng, địa hình,...nơi xảy ra cháy; - Phán đoán diễn biến của điều kiện thời tiết. - Quan sát, phán đoán các tình huống nguy hiểm - Chuẩn bị trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ chữa cháy. - Luôn đảm bảo sẵn sàng, hoạt động tốt trong mùa cháy - Tập huấn sử dụng nghiêm túc - Sử dụng đúng mục đích, đúng hướng dẫn - Thường xuyên chăm sóc, bảo dưỡng, thay thế.

 Chữa cháy rừng là công việc vô cùng khẩn trương, nguy hiểm, dễ làm cho con người mất tập trung và đương nhiên là dễ dẫn đến tai nạn. Vì vậy, trong chữa cháy rừng, đảm bảo an toàn tính mạng cho người và tài sản là điều vô cùng quan trọng.

Phần ba: Chữa cháy rừng

④ Những nguy hiểm khi chữa cháy rừng

Bị lửa bao vây: Có thể bị lửa bao vây trong các trường hợp: Đang ở nơi có nhiều vật liệu cháy; Đang ở nơi có nhiều đám cháy nhỏ; Thời tiết thay đổi đột ngột, nhất là hướng gió và tốc độ gió; Đang ở trên dốc, phía trước đám cháy. Khi bị lửa vây mà không có đường thoát hiểm thực hiện các nguyên tắc sau: Bình tĩnh; Không được băng qua ngọn lửa cao hơn 1m và sâu hơn 1m; Đánh giá tình hình không có nhiều thời gian nhưng cần thiết phải tìm lối thoát; Dùng ngay dụng cụ thủ công phát dọn thực bì xung quanh khu vực đứng giảm bớt khả năng cháy; Lợi dụng tảng đá lớn, gỗ tươi để làm vật chắn sức nóng; Có thể nằm ở nơi đất trũng dùng đất, bùn phủ lên người tránh bức xạ nhiệt



Mối nguy hiểm khác:

- Tại nơi xảy ra cháy rừng lại có các công trình khác như giao thông hào, rãnh chống xói mòn... nằm trong khu vực xảy ra cháy, người tham gia chữa cháy có thể lại bị ảnh hưởng của các công trình này.
- Có thể trong vùng cháy rừng vẫn còn lại lượng bom đạn sau chiến tranh là nguy cơ tiềm ẩn tai nạn khi chữa cháy.
- Đối với khu vực có tầng than bùn dày người chữa cháy dễ phồng rộp, vướng lầy trong các hố than đã và đang cháy.

Phần ba: Chữa cháy rừng

5 Đề phòng tai nạn khi chữa cháy rừng

Đề phòng tai nạn với dụng cụ thủ công:

1. Cuốc, xẻng, rìu, bần đập... phải được tra cán chắc chắn, cán không dễ gãy, các phần sắc bén phải được che chắn, bảo vệ cẩn thận. Khi mang vác dụng cụ sắc nhọn thì phải quay đầu nhọn xuống dưới và hướng ra ngoài người mình. Luôn giữ khoảng cách an toàn với người phía trước và người phía sau.
2. Đề phòng trượt ngã khi lên xuống dốc, nếu sườn dốc trên 20o không được đi lại ở phía cao hơn ngọn lửa đang cháy. Khi vận chuyển các dụng cụ thủ công bằng ô tô thì chúng ta xếp xếp chắc chắn không để xảy ra va đập lẫn lộn trên thùng xe, không để những lưỡi, đầu nhọn vào ống nước, dây và các loại máy móc khác.



Đề phòng tai nạn khi làm việc gần các phương tiện cơ giới:

Các thiết bị cơ giới phổ biến là xe bồn, máy bơm, máy cưa xăng, máy thổi gió, máy cắt thực bì, máy cày, máy ủi... Mọi thành viên đều phải trải qua các lớp tập huấn về sử dụng máy móc đúng quy trình, được nhắc nhở về an toàn kỹ thuật khi sử dụng và luôn được thông báo tại hiện trường chẳng hạn như khi dùng máy cưa chặt hạ hoặc có máy ủi húc đổ cây thì những người xung quanh biết hướng đi, biết khoảng cách an toàn cần thiết.

Phần ba: Chữa cháy rừng

6 Mười nguyên tắc an toàn khi chữa cháy

- 1 Giữ liên lạc với bộ phận theo dõi điều kiện khí tượng liên quan đến cháy rừng và dự báo diễn biến cháy rừng,
- 2 Luôn nắm được tình hình của vụ cháy - tự quan sát hoặc cử người trinh sát,
- 3 Tất cả các hành động đều phải dựa trên tính chất đám cháy hiện tại và ước đoán diễn biến của nó,
- 4 Luôn chọn sẵn và thông báo cho mọi người biết về các đường thoát và vùng an toàn,
- 5 Ở những nơi có thể nguy hiểm, phải bố trí người quan sát tình hình,
- 6 Sáng suốt, bình tĩnh, suy nghĩ cẩn thận và hành động dứt khoát,
- 7 Luôn giữ liên lạc với đồng đội, với chỉ huy và với các tổ kế cận,
- 8 Ra mệnh lệnh rõ ràng và phải chắc chắn rằng những người nhận lệnh hiểu rõ,
- 9 Luôn kiểm tra, theo dõi các đồng đội trong tổ,
- 10 Chữa cháy tích cực, nhưng phải giữ an toàn là trên hết.

Phần ba: Chữa cháy rừng

7 Sơ cứu tại hiện trường chữa cháy rừng

Túi y tế:

- Băng y tế (5-10 bịch), gạc khử trùng (10-20 miếng).
- Các loại băng: băng vải, băng thun (với các kích thước khác nhau, mỗi loại vài cuộn).
- Thuốc chống sốt, thuốc giảm đau (Panadol, Cetamol, Aspirin...).
- Thuốc kháng sinh (Ampicilline, Tetracycline...).
- Thuốc sát trùng, thuốc đỏ, thuốc tím, dung dịch iốt, cồn 90o, nước muối 10%, ôxy già.
- Thuốc chữa bỏng (tinh dầu quế, tinh dầu cá...).
- Thuốc chữa rắn cắn (huyết thanh chống nọc rắn, rượu hội, viên hội...).
- Chăn mềm.
- Kem, nhíp, kim gút y tế, que thông...



Sơ cứu một số trường hợp thường gặp trong chữa cháy rừng:

- Cầm máu vết thương: Đối với vết thương nhỏ thì cơ thể tự điều tiết và cầm máu. Đối với các vết thương lớn mà cơ thể không tự cầm máu được thì bạn phải tìm cách băng bó vết thương không để máu chảy làm mất máu quá nhiều dẫn đến tử vong.
- Gãy xương: Trong tất cả các trường hợp gãy xương xảy ra, điều quan trọng nhất là bạn phải cố định được ngay phần cơ thể có xương bị gãy bằng các thanh nẹp, việc bó nẹp chỉ là tạm thời, nhanh chóng chuyển nạn nhân tới các trung tâm y tế gần nhất.
- Bỏng: Bạn có thể băng vết bỏng bằng các loại băng mềm co giãn. Băng lỏng vùng bỏng để đề phòng khi vết bỏng sưng nề gây chèn ép.
- Ngạt: Xảy ra khi người chữa cháy sử dụng dụng cụ thủ công tiếp cận gần đám cháy. Như chúng ta đã biết đám cháy hút không khí xung quanh để duy trì quá trình cháy. Như vậy người chữa cháy có nguy cơ hết ôxy để thở dẫn đến ngạt thở. Khi gặp trường hợp này cần đưa nạn nhân ra khu vực thoáng mát tiến hành hô thối ngạt và ấn ngực cho tới khi nạn nhân thở trở lại.

Phần ba: Chữa cháy rừng

8 Kỹ thuật chữa cháy rừng

Kỹ thuật chữa cháy trực tiếp:

- Đối với những đám cháy nhỏ, cường độ cháy thấp, thời tiết thuận lợi và có đủ lực lượng, phương tiện thì ta tấn công ngay vào lưỡi lửa (dập lửa từ phía trước). Sử dụng các công cụ thô sơ như bàn dập lửa, cành cây, cuốc xẻng dùng để xúc đất, cát phủ lên đám cháy ... hoặc máy phun đất, cát, nước, bột khí chữa cháy để làm giảm sự lây lan và dập tắt hoàn toàn đám cháy.
- Khi vận tốc gió yếu: ngọn lửa lan chậm, có xu hướng lan sang hai bên, chiều cao của ngọn lửa thấp.
- Khi vận tốc gió mạnh: đám cháy lan nhanh theo chiều gió, đội hình bố trí ở hai bên đám cháy.



Kỹ thuật chữa cháy gián tiếp

Được áp dụng khi đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan tràn nhanh, diện tích đám cháy >1ha, DT rừng còn lại lớn.

- Làm bằng khống chế lửa: Bằng khống chế lửa được làm ở phía trước đám cháy và có xu hướng cong về hai phía của ngọn lửa. Khoảng cách giữa bằng khống chế lửa với lưỡi lửa tùy thuộc vào cường độ của đám cháy, độ dốc và tốc độ gió nhưng phải bố trí sao cho khi thi công xong bằng khống chế lửa thì đám cháy mới tiến đến bằng này để đảm bảo an toàn cho người chữa cháy. Bề rộng của băng từ 15 - 20 m (ít nhất là 1,5 lần chiều cao ngọn lửa). Tuy nhiên, đối với đám cháy lớn, khi có gió to hoặc địa hình dốc thì bề rộng của băng có thể tăng lên 20 - 30 m.

- Biện pháp đốt chặn: Đốt chặn là biện pháp dựa vào địa hình tự nhiên, đường giao thông hoặc bằng khống chế lửa (bằng tựa) để đốt trước một diện tích đủ lớn ở phía trước hướng phát triển của đám cháy chính. Một số kỹ thuật đốt chặn gồm: đốt theo giải, đốt theo giải và đám, đốt theo nhiều giải – các giải này có thể được phân cách bằng các băng khống chế lửa, đốt theo hình "V" hay răng lược và đốt theo các điểm mỏ neo

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

① Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14



Điều 39. Phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Chủ rừng phải lập và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng; chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Mọi trường hợp sử dụng lửa trong rừng, gần rừng để dọn nương rẫy, dọn đồng ruộng, chuẩn bị đất trồng rừng, đốt trước mùa khô hanh hoặc dùng lửa vì mục đích khác, người sử dụng lửa phải thực hiện các biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng.
3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiến hành hoạt động trong rừng, xây dựng công trình ở trong rừng, ven rừng phải chấp hành quy định về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng.
4. Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng phải kịp thời chữa cháy rừng, thông báo ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; khắc phục hậu quả sau cháy rừng và báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chữa cháy rừng kịp thời.
5. Trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng có nguy cơ gây thảm họa dẫn đến tình trạng khẩn cấp, việc chữa cháy rừng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.
6. Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với lực lượng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn hướng dẫn chủ rừng xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy rừng.
7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

② Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2024



Điều 25. Trách nhiệm chữa cháy

1. Người phát hiện cháy, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chữa cháy trong điều kiện, khả năng cho phép.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên có trách nhiệm tổ chức chữa cháy thuộc phạm vi quản lý; huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản theo thẩm quyền tham gia chữa cháy theo đề nghị của người chỉ huy chữa cháy.

3. Cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và cơ quan, tổ chức, đoàn thể khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia chữa cháy ngay khi có yêu cầu của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền hoặc người chỉ huy chữa cháy; điều động người và phương tiện thuộc phạm vi quản lý đến nơi xảy ra cháy để tham gia, hỗ trợ chữa cháy khi được huy động.

4. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi nhận được tin báo cháy thuộc phạm vi quản lý hoặc nhận được mệnh lệnh, quyết định huy động phải kịp thời đến chữa cháy.

5. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy; tham gia chữa cháy; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng, phương tiện đi chữa cháy được lưu thông nhanh nhất.

6. Ủy ban nhân dân địa phương giáp ranh với địa phương nơi xảy ra cháy có trách nhiệm huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy khi người chỉ huy chữa cháy đề nghị.

7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, tổ chức chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trách nhiệm chữa cháy đối với công trình, cơ sở, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng phục vụ mục đích quân sự, quốc phòng; phối hợp với Bộ Công an tổ chức chữa cháy đối với công trình lưỡng dụng theo quy định của Chính phủ.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

② Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2024



Điều 26. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy

1. Khi có cháy thì lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đều có thể được huy động để tham gia chữa cháy; trường hợp cần thiết, người chỉ huy chữa cháy đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam bố trí lực lượng, người, phương tiện để hỗ trợ, giúp đỡ chữa cháy.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được huy động tham gia chữa cháy có trách nhiệm bố trí ngay lực lượng, người, phương tiện, tài sản để tham gia chữa cháy.

3. Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động tham gia chữa cháy phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc chữa cháy; trường hợp bị mất, hư hỏng, bị thiệt hại do việc huy động trực tiếp gây ra thì được bồi thường.

Người có thẩm quyền quyết định huy động có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường. Mức bồi thường và việc chi trả bồi thường được thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

4. Lực lượng, người được huy động làm nhiệm vụ chữa cháy được ưu tiên khi đi trên các phương tiện giao thông công cộng.

5. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý của mình; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi cả nước;

c) Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp huyện được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình; Bộ trưởng Bộ Công an được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi cả nước.

6. Chính phủ quy định thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản để chữa cháy; việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của Quân đội để tham gia chữa cháy.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

3 Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 và số 12/2017/QH14



BỘ LUẬT

**HÌNH SỰ
(HIỆN HÀNH)
(BỘ LUẬT NĂM 2015,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NĂM 2017)**

Điều 243. Tội hủy hoại rừng

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²);
- b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);
- c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 7.000 mét vuông (m²);

đ) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;

e) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

g) Diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- c) Tái phạm nguy hiểm;
- d) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 50.000 mét vuông (m²) đến dưới 100.000 mét vuông (m²);
- đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²);
- e) Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);
- g) Rừng đặc dụng có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 5.000 mét vuông (m²);
- h) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;
- i) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

3 Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 và số 12/2017/QH14



BỘ LUẬT

**HÌNH SỰ
(HIỆN HÀNH)
(BỘ LUẬT NĂM 2015,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NĂM 2017)**

Điều 243. Tội hủy hoại rừng

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích 100.000 mét vuông (m^2) trở lên;
- b) Rừng sản xuất có diện tích 50.000 mét vuông (m^2) trở lên;
- c) Rừng phòng hộ có diện tích 10.000 mét vuông (m^2) trở lên;
- d) Rừng đặc dụng có diện tích 5.000 mét vuông (m^2) trở lên;
- đ) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;

e) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá 100.000.000 đồng trở lên; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá 200.000.000 đồng trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

- a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;
- b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;
- c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;
- d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;
- đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

3 Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 và số 12/2017/QH14



BỘ LUẬT

**HÌNH SỰ
(HIỆN HÀNH)**

**(BỘ LUẬT NĂM 2015,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NĂM 2017)**

Điều 313. Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy

1. Người nào vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 08 năm:

- a) Làm chết 02 người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;
- c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

- a) Làm chết 03 người trở lên;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;
- c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

④ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp

Điều 45. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Trách nhiệm lập phương án phòng cháy và chữa cháy rừng
 - a) Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư lập phương án phòng cháy và chữa cháy rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;
 - b) Chủ rừng là tổ chức lập phương án phòng cháy và chữa cháy rừng theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;
 - c) Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê lập phương án phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.
2. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng do tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này phải gửi đến cơ quan Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cấp huyện tham gia ý kiến.
3. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng phải được bổ sung chỉnh lý kịp thời khi có những thay đổi về tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy rừng.
4. Chủ rừng chịu trách nhiệm tổ chức thực tập phương án phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.
5. Cơ quan Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

④ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp

Điều 47. Điều kiện an toàn về phòng cháy đối với khu rừng

1. Điều kiện an toàn về phòng cháy đối với khu rừng

- a) Có quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy rừng; có biển báo, biển cấm lửa được bố trí tại các vị trí quy định, phù hợp với đặc điểm và tính chất cháy của từng loại rừng;
- b) Có phương án phòng cháy và chữa cháy rừng quy định tại Điều 45 của Nghị định này;
- c) Có các công trình phòng cháy và chữa cháy rừng phù hợp với đặc điểm và tính chất của từng loại rừng;
- d) Trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy rừng phù hợp với đặc điểm và tính chất cháy của từng loại rừng theo phương án phòng cháy và chữa cháy rừng;
- đ) Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng và tổ chức thường trực sẵn sàng, đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ;
- e) Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

2. Đối với các khu rừng có đường sắt, đường dây điện cao thế, đường ống dẫn khí đốt, dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ đi qua và công trình có nguy cơ gây cháy rừng phải có đường băng cản lửa, hành lang an toàn phù hợp với từng loại công trình theo quy định của pháp luật và thường xuyên kiểm tra, dọn sạch vật liệu cháy trong đường băng cản lửa.

3. Khi đốt nương, rẫy, đồng ruộng, đốt thực bì để chuẩn bị đất trồng rừng và làm giảm vật liệu cháy trong rừng, người sử dụng lửa phải thực hiện:

- a) Biện pháp an toàn phòng cháy và chữa cháy;
- b) Không đốt vào những ngày có dự báo nguy cơ cháy rừng ở cấp IV, cấp V. Trong ngày, tiến hành đốt lúc gió nhẹ, vào trước 9 giờ buổi sáng và sau 16 giờ buổi chiều;
- c) Trước khi đốt phải thông báo với trưởng thôn, bản, tổ đội phòng cháy, chữa cháy rừng. Trong khi đốt phải bố trí người canh gác, có đủ dụng cụ để dập lửa khi cháy lan vào rừng; sau khi đốt xong phải dập tắt hết tàn lửa.

4. Sử dụng lửa ở những cơ sở, công trình, công trường và nhà ở được phép bố trí ở trong rừng phải bảo đảm không để cháy lan vào rừng; sau khi sử dụng lửa phải dập tắt hết tàn lửa.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

④ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp

Điều 51. Trách nhiệm báo cháy, chữa cháy và tham gia chữa cháy rừng, chỉ huy chữa cháy rừng

1. Người phát hiện cháy rừng phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh và cho một hoặc các đơn vị sau đây:

- a) Chủ rừng;
- b) Đội phòng cháy và chữa cháy rừng nơi gần nhất;
- c) Cơ quan Kiểm lâm hoặc cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nơi gần nhất;
- d) Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an, Quân đội nơi gần nhất.

2. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác biết để chỉ viện chữa cháy; trường hợp cháy rừng xảy ra ngoài địa bàn được phân công quản lý thì sau khi nhận được tin báo cháy phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng.

3. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy rừng phải tìm mọi biện pháp để ngăn chặn cháy lan và dập cháy; người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

4. Chủ rừng và các lực lượng công an, kiểm lâm, quân đội, dân quân tự vệ, cơ quan hữu quan khác có nhiệm vụ chữa cháy và tham gia chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

5. Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy rừng, chỉ huy chữa cháy rừng, tình thế cấp thiết được sử dụng quyền quyết định phá, dỡ nhà, công trình, vật chướng ngại và di chuyển tài sản khi chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

4

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp

Điều 53. Trách nhiệm về phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng

1. Trách nhiệm của chủ rừng là tổ chức

- a) Tổ chức thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật;
- b) Xây dựng, ban hành các quy định, nội quy và biện pháp về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi rừng mình quản lý;
- c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực rừng mình quản lý;
- d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy và chữa cháy rừng; huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng; thành lập, quản lý và duy trì hoạt động của tổ, đội phòng cháy và chữa cháy rừng;
- đ) Kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; đề xuất xử lý các hành vi vi phạm quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy rừng và tổ chức khắc phục kịp thời các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng theo thẩm quyền;
- e) Đầu tư xây dựng công trình, trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy rừng;
- g) Bảo đảm kinh phí đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- h) Báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác phòng cháy và chữa cháy rừng, thông báo kịp thời cho cơ quan Kiểm lâm sở tại, cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và cơ quan quản lý trực tiếp những thay đổi có liên quan đến bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý;
- i) Phối hợp với các chủ rừng khác, chính quyền sở tại, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình lân cận;
- k) Thực hiện các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- l) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

2. Trách nhiệm của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

- a) Tổ chức thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật;
- b) Kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; đề xuất xử lý các hành vi vi phạm quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy rừng và tổ chức khắc phục kịp thời các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng;
- c) Đầu tư trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định;
- d) Bảo đảm kinh phí đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- đ) Phối hợp với các chủ rừng khác, chính quyền sở tại, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình lân cận;
- e) Thực hiện các hoạt động phòng cháy và chữa cháy khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- g) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

Phần bốn: Quy định của pháp luật về PCCCR

④ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp

Điều 55. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sinh sống, hoạt động ở trong rừng, ven rừng

1. Thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.
2. Đôn đốc nhắc nhở các thành viên trong gia đình thực hiện quy định, nội quy, các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng.
3. Phối hợp với chủ rừng, các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng.
4. Tham gia các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
5. Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng khi được phép sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, các thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt và bảo quản, sử dụng chất cháy trong rừng và ven rừng.
6. Ngăn chặn và báo kịp thời khi phát hiện nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy rừng và hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; báo cháy và chữa cháy kịp thời khi phát hiện cháy và chấp hành nghiêm lệnh huy động tham gia chữa cháy rừng.

Thông tin liên lạc, Đường dây nóng

TT	Tổ chức, cá nhân	Điện thoại
1	Ban chỉ đạo PCCCR cấp tỉnh	0915587180
2	Trực ban PCCCR Chi cục Kiểm lâm	0988784888
3	Đội Kiểm lâm Cơ động và PCCCR	0978443456
4	Hạt Kiểm lâm TP Hà Giang	0964536599
5	Hạt Kiểm lâm Vị Xuyên	0914786999
6	Hạt Kiểm lâm Bắc Quang	0912335013
7	Hạt Kiểm lâm Quang Bình	0985202882
8	Hạt Kiểm lâm Xín Mần	0947951569
9	Hạt Kiểm lâm Mèo Vạc	0886928999
10	Hạt Kiểm lâm Đồng Văn	0972095066
11	Hạt Kiểm lâm Bắc Mê	0946744599
12	Hạt Kiểm lâm Hoàng Su Phì	0915273568
13	Hạt Kiểm lâm Yên Minh	0822199222
14	Hạt Kiểm lâm Quản Bạ	0984081589
15	Hạt Kiểm lâm RĐĐ Phong Quang - Tây Côn Lĩnh	0819363999
16	Hạt Kiểm lâm RĐĐ Du Già	0888506689

Tài liệu tham khảo

1. Bế Minh Châu, 2012. Giáo trình Quản lý lửa rừng. NXB Nông nghiệp.
2. Ngô Quang Đê, Lê Đăng Giảng, Phạm Ngọc Hưng, 1983. Giáo trình Phòng cháy, chữa cháy rừng. NXB Nông nghiệp.
3. Cục Kiểm lâm. Tài liệu tập huấn Phòng cháy, chữa cháy rừng.
4. Kiểm lâm vùng III, 2012. Sổ tay phòng cháy chữa cháy rừng.

BIÊN SOẠN

1. TS. Lê Sỹ Doanh - Viện Sinh thái rừng và Môi trường (Trường Đại học Lâm nghiệp)
2. TS. Vũ Đức Quỳnh - Chi cục Kiểm lâm Hà Giang
3. ThS. Nguyễn Văn Thị - Viện Sinh thái rừng và Môi trường (Trường Đại học Lâm nghiệp)